

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 06-02-2025  
V/v ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đinh Thị Kim Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Bà Mai Thị Nhắc

**- Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thị Sương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên toà:** Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kiều M, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Ấp K, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (*Xin vắng mặt*).

- Bị đơn: Anh Huỳnh Pha Li A, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp A1, xã A2, huyện M, tỉnh Bến Tre (*Xin vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Kiều M trình bày:*

Chị và anh Huỳnh Pha Li A tìm hiểu nhau một thời gian rồi tiến tới hôn nhân, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A2, huyện M, tỉnh Bến Tre ngày 29 tháng 7 năm 2013 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ruột của anh Huỳnh Pha Li A ở ấp A1, xã A2, huyện M, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh P, đến khoảng tháng 02 năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói

chung và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng có nhiều lần trao đổi để hàn gắn, gia đình cũng động viên, khuyên nhủ nhưng không thành. Nay chị M xác định không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với anh Huỳnh Pha Li A được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Huỳnh Pha Li A có một con chung là cháu Huỳnh Trọng P, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2014, đang sống chung với anh Huỳnh Pha Li A. Chị M yêu cầu sau khi ly hôn con chung giao cho anh Huỳnh Pha Li A trực tiếp nuôi, chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh Huỳnh Pha Li A không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản. Về nợ chung: Chị và anh Huỳnh Pha Li A không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn anh Huỳnh Pha Li A trình bày:*

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Kiều M.

Về con chung: Anh và chị M có một con chung là cháu Huỳnh Trọng P, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2014, đang sống chung với anh. Anh đồng ý sau khi ly hôn con chung giao cho anh trực tiếp nuôi, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản và nợ chung.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm như sau:*

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều M. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kiều M được ly hôn với anh Huỳnh Pha Li A; Về con chung: Sau khi ly hôn, anh Huỳnh Pha Li A được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Huỳnh Trọng P, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2014, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Huỳnh Pha Li A không có yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết. Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Kiều M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Pha Li A và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị M cho rằng giữa chị và anh Huỳnh Pha Li A không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh P nên chị có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 68 và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Anh Huỳnh Pha Li A có nơi cư trú tại ấp A1, xã A2, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Chị M và anh Pha Li A có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh Pha Li A.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử nhận định: Chị M và anh Pha Li A qua tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A2, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 29 tháng 7 năm 2013 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống giữa chị M và anh Pha Li A có phát sinh mâu thuẫn bất do đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân một thời gian, mặc dù nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Anh Pha Li A cũng đồng ý ly hôn với chị M. Từ các căn cứ trên xét thấy tình trạng hôn nhân của chị M và anh Pha Li A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[6] Xét về con chung: Chị M và anh Pha Li A có một con chung là cháu Huỳnh Trọng P, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2014, đang sống chung với anh Pha Li A. Chị M yêu cầu sau khi ly hôn con chung giao cho anh Pha Li A trực tiếp nuôi, anh Pha Li A đồng ý, con chung cũng có nguyện vọng sống với anh Pha Li A. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho anh Pha Li A trực tiếp nuôi là phù hợp. Anh Pha Li A không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con là ý chí tự nguyện của anh nên ghi nhận.

[7] Về tài sản chung: Chị M và anh Pha Li A trình bày thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản nên không giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị M và anh Pha Li A trình bày thống nhất không có nợ chung, không cầu giải quyết về nợ chung nên không giải quyết.

[9] Về án phí: Chị M có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[10] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với các nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kiều M.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kiều M được ly hôn với anh Huỳnh Pha Li A.

Về con chung: Cháu Huỳnh Trọng P, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2014, đang sống chung với anh Huỳnh Pha Li A. Sau khi ly hôn, con chung giao cho anh Huỳnh Pha Li A trực tiếp nuôi. Ghi nhận anh Huỳnh Pha Li A không yêu cầu chị Lê Thị Kiều M cấp dưỡng cho con.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

*Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.*

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Kiều M và anh Huỳnh Pha Li A trình bày thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về chia tài sản nên không giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lê Thị Kiều M và anh Huỳnh Pha Li A trình bày thống nhất không có nợ chung, không cầu giải quyết về nợ chung nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Kiều M có nghĩa vụ chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008343 ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đinh Thị Kim Ngân**